

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế Công bố thông tin

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Điều lệ số 10/ĐL-CTCP-ĐHĐCĐ, ngày 26/4/2021 của Công ty cổ phần công trình cầu phà TP. Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 11/QĐ-CTCP-HĐQT ngày 26/4/2021 của Hội đồng quản trị về việc ban hành Quy chế quản trị nội bộ;
- Nghị quyết số 84/NQ-CTCP-HĐQT ngày 02/8/2022 của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt ban hành Quy chế công bố thông tin,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Công bố thông tin của Công ty cổ phần công trình cầu phà TP. Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2022 và thay thế cho Quyết định số 143/QĐ-CTCP-HĐQT ngày 18/10/2018 của HĐQT về việc ban hành Quy chế Công bố thông tin.

Điều 3. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Người phụ trách quản trị-Thư ký công ty, Người có liên quan, các phòng nghiệp vụ và cá nhân có liên quan đến việc công bố thông tin chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Minh Trung

**QUY CHẾ
CÔNG BỐ THÔNG TIN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 85 /QĐ-CTCP-HĐQT ngày 02/8/2022)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc tổ chức thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty cổ phần công trình cầu phà TP. Hồ Chí Minh (sau đây viết tắt là Công ty) với các cơ quan có thẩm quyền và công bố trên thị trường chứng khoán, trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật. Đồng thời quy định việc phối hợp quan hệ công tác giữa các Phòng nghiệp vụ, các đơn vị trực thuộc và cá nhân thuộc Công ty trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng đối với các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Người phụ trách quản trị-Thư ký công ty, Người có liên quan, các phòng nghiệp vụ và cá nhân có liên quan đến việc công bố thông tin.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Trong quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) “Điều lệ” là điều lệ của Công ty cổ phần công trình cầu phà TP. Hồ Chí Minh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) “Công bố thông tin định kỳ” là việc Công ty công bố thông tin vào những thời điểm xác định trong năm theo quy định pháp luật;

c) “Công bố thông tin bất thường” là việc Công ty công bố thông tin trong một thời hạn được xác định sau khi xảy ra các sự kiện bất thường;

d) “Công bố thông tin theo yêu cầu” là việc Công ty công bố thông tin khi có yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc theo yêu cầu của nơi cổ phiếu của Công ty cổ phần công trình cầu phà TP. Hồ Chí Minh được niêm yết giao dịch tập trung;

e) “Báo cáo thường niên” là báo cáo tổng thể về tình hình tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tổ chức và nhân sự, thông tin về cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty được lập hàng năm và công bố theo định kỳ;

f) “UBCKNN” là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

g) “SGDCK” là Sở Giao dịch chứng khoán, nơi cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tập trung;

h) “TTLKCK” là Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam;

i) Cổ đông lớn là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty.

j) Người nội bộ của Công ty, bao gồm:

Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người đại diện theo pháp luật, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng ban kiểm soát, Thành viên Ban kiểm soát, Người phụ trách quản trị-Thư ký công ty, Người được ủy quyền công bố thông tin.

k) "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với công ty trong các trường hợp sau đây:

- Công ty và người nội bộ của Công ty;
- Tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp vào công ty;
- Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với Công ty và người nội bộ của Công ty trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi Công ty hoặc người nội bộ của Công ty; hoặc cùng Công ty và người nội bộ của Công ty chịu chung một sự kiểm soát;
- Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người nội bộ của Công ty;
- Quan hệ hợp đồng trong đó Công ty và người nội bộ của Công ty là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
- Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Các từ hoặc thuật ngữ đã được giải nghĩa trong Luật Doanh nghiệp hoặc Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác thì có nghĩa như trong các văn bản pháp luật đó.

Điều 3. Phương tiện và hình thức công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin được thực hiện đồng thời qua các phương tiện công bố sau:

- a) Trang thông tin điện tử (website) và các ấn phẩm khác của Công ty;
- b) Các phương tiện công bố thông tin của UBCKNN bao gồm: hệ thống tiếp nhận báo cáo và công bố thông tin, cổng thông tin điện tử và các ấn phẩm khác của UBCKNN;
- c) Các phương tiện công bố thông tin của SGDCK bao gồm: hệ thống tiếp nhận báo cáo và công bố thông tin, trang thông tin điện tử của SGDCK, bảng hiển thị điện tử tại SGDCK;

d) Phương tiện công bố thông tin của TTLKCK: trang thông tin điện tử của TTLKCK;

e) Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật.

2. Các tài liệu, báo cáo gửi cho UBCKNN, SGDCK được thể hiện dưới hình thức văn bản và hình thức dữ liệu điện tử có sử dụng chữ ký số theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.

3. Công ty lập trang thông tin điện tử (Website: www.caupha.com). Trang thông tin điện tử thể hiện các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp và mọi thay đổi về đăng ký các nội dung này, có chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó công bố Điều lệ công ty, Quy chế quản trị nội bộ và các thông tin công bố định kỳ, bất thường và theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK; công khai về địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày có sự thay đổi.

4. Trang thông tin điện tử hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

5. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Công ty thực hiện công bố thông tin trên phương tiện quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật sau khi ngày nghỉ, ngày lễ kết thúc.

6. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin đối với các đối tượng là cá nhân phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, thì thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc sau ngày nghỉ, ngày lễ.

7. Việc công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.

Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật và bảo đảm:

a) Công ty chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Công ty phải công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó;

b) Trường hợp có sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó hoặc theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK;

c) Việc công bố thông tin cá nhân bao gồm số thẻ căn cước công dân, số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, email, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số

tài khoản lưu ký chứng khoán, sổ tài khoản ngân hàng chỉ được thực hiện nếu chủ thể liên quan đồng ý.

2. Các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 1 khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCK nơi niêm yết, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin quy định công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại điểm c khoản 1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không muốn công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK thực hiện công khai thông tin.

3. Ngôn ngữ thông tin công bố trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt. Trường hợp công bố thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung thông tin công bố bằng tiếng Anh chỉ có tính tham khảo. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.

4. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Ngoài ra, Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin

Công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền công bố thông tin:

1. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật là người có thẩm quyền và trách nhiệm cao nhất trong việc xét duyệt và công bố thông tin. Tổng Giám đốc có thể ủy quyền cho người khác để công bố thông tin. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố.

Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà Tổng Giám đốc người được ủy quyền công bố thông tin vắng mặt, thì Phó Tổng Giám đốc được ủy quyền thay thế thực hiện công bố thông tin.

2. Công ty phải thực hiện đăng ký, đăng ký lại người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin cùng với bản cung cấp thông tin của người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin này cho UBCKNN và SGDCK tối thiểu 24 giờ trước khi việc ủy quyền có hiệu lực.

3. Việc công bố thông tin của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện, được quy định như sau:

a) Trường hợp tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin, trong lần công bố thông tin đầu tiên, nhà đầu tư cá nhân phải nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định định tại Phụ lục III của Thông tư 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính và có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin khi có sự thay đổi các nội dung trong Bản cung cấp thông tin.

b) Trường hợp ủy quyền công bố thông tin, nhà đầu tư cá nhân phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Cá nhân có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin về tình trạng sở hữu chứng khoán của mình và mối quan hệ với người có liên quan (nếu có) cho tổ chức hoặc cá nhân được ủy quyền công bố thông tin để những người này thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin theo quy định pháp luật.

c) Cá nhân phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người được ủy quyền công bố thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc ủy quyền công bố thông tin có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người được ủy quyền công bố thông tin bao gồm: Giấy ủy quyền công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục II Thông tư 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính.

Điều 6. Quyền hạn và trách nhiệm của người công bố thông tin của Công ty

1. Đại diện cho Công ty trong việc thực hiện công bố thông tin của Công ty theo quy định của pháp luật và tại Quy chế này.

2. Yêu cầu các bộ phận, cá nhân có liên quan cung cấp, báo cáo số liệu đầy đủ, đúng thời hạn;

3. Trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra nhân viên tổng hợp thông tin lập báo cáo theo đúng quy định;

4. Đề xuất, kiến nghị với Hội đồng quản trị về những hoạt động liên quan đến công bố thông tin, việc sửa đổi, bổ sung quy chế này;

5. Theo dõi những công việc có liên quan, ảnh hưởng đến việc công bố thông tin của Công ty;

6. Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ. Liên hệ với các cổ đông, ghi nhận những ý kiến của các cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các cổ đông và các vấn đề quản trị công ty theo quy định.

Điều 7. Người tổng hợp thông tin

1. Người tổng hợp thông tin là người được Tổng Giám đốc chỉ định trực tiếp hoặc theo đề xuất của người được ủy quyền thực hiện công bố thông tin.

Người tổng hợp thông tin có chức năng là đầu mối thu thập, tổng hợp các thông tin công bố từ các bộ phận có liên quan, kiểm tra nội dung thông tin, đối

chiếu với các quy định về công bố thông tin, soạn thảo văn bản công bố thông tin, chuyển cho người được ủy quyền công bố thông tin thẩm định và trình Tổng Giám đốc thông qua.

2. Trách nhiệm của Người tổng hợp thông tin:

- a) Thực hiện các công việc theo khoản 1 Điều này chính xác, kịp thời;
- b) Chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng Giám đốc hoặc người được ủy quyền thực hiện công bố thông tin trong công việc được giao.

Điều 8. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Việc tạm hoãn công bố thông tin được phép trong các trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác. Công ty và các đối tượng công bố thông tin phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin), đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty và các đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

Chương II

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỐI VỚI

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CẦU PHÀ TP. HỒ CHÍ MINH

Điều 9. Các trường hợp công bố thông tin

- 1. Công bố thông tin định kỳ.
- 2. Công bố thông tin bất thường.
- 3. Công bố thông tin theo yêu cầu.
- 4. Các trường hợp khác phải công bố thông tin:
 - a) Công bố thông tin về giao dịch của Cổ đông lớn và nhóm người có liên quan;
 - b) Công bố thông tin về giao dịch của Cổ đông nội bộ, Người được ủy quyền công bố thông tin và Người có liên quan tới những đối tượng trên;
 - c) Công bố thông tin của nhà đầu tư nước ngoài, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan (nếu có);
 - d) Công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu quỹ, về giao dịch chào mua công khai; về việc chào bán chứng khoán, về một số trường hợp phát hành thêm cổ phiếu;
 - e) Công bố thông tin khi thực hiện chào bán trái phiếu, cổ phiếu ra công chúng;
 - f) Các công bố thông tin khác theo quy định pháp luật (nếu có).

Điều 10. Công bố thông tin định kỳ:

1. Công ty phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo nguyên tắc sau:

a) Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

- Công ty phải công bố 02 báo cáo: báo cáo tài chính năm của riêng đơn vị mình và báo cáo tài chính năm hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong trường hợp là công ty mẹ của Công ty khác.

- Công ty phải công bố báo cáo tài chính năm tổng hợp theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

b) Công ty phải công bố thông tin về báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính;

c) Thời hạn công bố báo cáo tài chính năm

Công ty phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Công ty phải lập báo cáo thường niên theo mẫu quy định tại Phụ lục IV Thông tư 96/2020/TT-BTC và công bố báo cáo này trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

3. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

a) Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty (www.caupha.com) về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có);

b) Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố trong thời hạn 24 giờ.

4. Công ty phải công bố thông tin về báo cáo tình hình quản trị công ty theo mẫu quy định tại Phụ lục V Thông tư 96/2020/TT-BTC trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.

Điều 11. Công bố thông tin bất thường

1. Công ty phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Tài khoản của công ty tại ngân hàng bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp được cơ quan có thẩm quyền hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán chấp thuận.

b) Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;

c) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;

d) Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;

đ) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;

e) Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

g) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;

h) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;

j) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng;

k) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:

-Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;

-Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;

-Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông; công ty chứng khoán mua cổ phiếu của chính mình để sửa lỗi giao dịch hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ, công ty công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin;

l) Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty). Đồng thời, công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III Thông tư 96/2020/TT-BTC;

m) Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp công ty là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất;

n) Khi nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty;

o) Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;

p) Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;

q) Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;

r) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty;

s) Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.

2. Khi công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này, công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

3. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

a) Việc công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 10 quy chế này;

b) Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

4. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu

a) Công ty đại chúng công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

5. Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, công ty phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của quy chế này.

6. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác

Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty đại chúng công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

Điều 12. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Trong các trường hợp sau đây, Công ty phải công bố thông tin trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK nơi Công ty niêm yết, đăng ký giao dịch:

a) Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;

b) Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 13. Công bố thông tin về các hoạt động khác của công ty

1. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.

Công ty thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.

2. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Công ty phải công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của công ty, Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

3. Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ

a) Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.

b) Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

Chương III

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

Điều 14. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty.

1. Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của công ty phải công bố thông tin và thực hiện báo cáo về giao dịch cho công ty, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở

giao dịch chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch) theo mẫu quy định tại Phụ lục VII Thông tư 96/2020/TT-BTC trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.

2. Cổ đông lớn của công ty khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải công bố thông tin và thực hiện báo cáo cho công ty, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch) trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII Thông tư 96/2020/TT-BTC

3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc trở thành cổ đông lớn hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định.

4. Quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này cũng áp dụng đối với nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty;

5. Quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này không áp dụng đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc công ty phát hành thêm cổ phiếu.

6. Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của các đối tượng được quy định tại Điều này.

Điều 15. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ

1. Người nội bộ của công ty (sau đây gọi chung là người nội bộ) và người có liên quan của Người nội bộ (sau đây gọi chung là người có liên quan) phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, công ty và công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

a) Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về việc dự kiến giao

dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII hoặc Phụ lục XIV Thông tư 96/2020/TT-BTC;

b) Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do Sở giao dịch chứng khoán đã công bố thông tin và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ Sở giao dịch chứng khoán;

c) Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu, chứng chỉ quỹ hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải công bố thông tin theo quy định tại Điều này được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai;

d) Người nội bộ và người có liên quan không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ, quyền mua chứng chỉ quỹ hoặc chứng quyền có bảo đảm trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó; ngoại trừ trường hợp công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam là người có liên quan của người nội bộ thực hiện đăng ký, giao dịch mua và bán chứng khoán cho các quỹ ETF hoặc đầu tư theo chỉ định của khách hàng ủy thác tuy nhiên phải đảm bảo từng khách hàng ủy thác không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán trong cùng một đợt đăng ký;

đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu quy định tại Phụ lục XV hoặc Phụ lục XVI Thông tư 96/2020/TT-BTC;

e) Người nội bộ và người có liên quan là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 14 Quy chế này thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

2. Người nội bộ và người có liên quan không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 14 Quy chế này thì phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 14 Quy chế này.

3. Quy định về nghĩa vụ công bố thông tin tại điểm a, b và d khoản 1 Điều này không áp dụng đối với trường hợp công ty chứng khoán bán giải chấp cổ phiếu của khách hàng là người nội bộ của công ty hoặc người có liên quan của các đối tượng này.

4. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, quỹ đại chúng hoặc người có liên quan của các đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại Điều này, công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty.

Điều 16. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai

Tổ chức, cá nhân chào mua công khai và Công ty bị chào mua phải thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn.

Chương IV CÔNG BỐ THÔNG TIN KHÁC

Điều 17. Đối tượng cung cấp

1. Ngoại trừ việc cung cấp thông tin theo quy định tại Mục 1, Mục 2 của chương này hoặc theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phù hợp với quy định của pháp luật, Công ty sẽ cung cấp thông tin theo đề nghị của bất kỳ một tổ chức, cá nhân nào quan tâm đến thông tin của Công ty và phải trả một khoản phí hợp lý theo quy định của Công ty.

2. Việc cung cấp thông tin cho các đối tượng tại khoản 1 Điều này chỉ được thực hiện nếu việc yêu cầu cung cấp thông tin không làm phương hại hoặc ảnh hưởng đến các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty, đồng thời tuân thủ đúng các nghĩa vụ, trách nhiệm của Công ty (nếu có) theo quy định của pháp luật.

3. Cung cấp thông tin trong các trường hợp khác

Người có trách nhiệm công bố thông tin, trả lời phỏng vấn các phương tiện thông tin đại chúng và các hình thức cung cấp thông tin khác liên quan đến hoạt động của Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty. Những trường hợp khác thì cần có sự chấp thuận của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty.

4. Công bố thông tin tự nguyện

Trong những trường hợp cần thiết, Công ty có thể thực hiện công bố một số thông tin cần thiết ngoài những thông tin bắt buộc theo quy định hiện hành

như Giá trị tài sản của doanh nghiệp, kế hoạch kinh doanh, ... Công bố thông tin tự nguyện do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty quyết định.

Điều 18. Yêu cầu cải chính thông tin

Công ty có quyền yêu cầu cải chính thông tin đối với bất kỳ cá nhân, tổ chức nào phát ngôn, đăng tải, sử dụng thông tin không đúng sự thật hoặc sai lệch về Công ty.

Chương V QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 19. Quy trình công bố thông tin

1. Bước 1: Chuẩn bị thông tin

- Vào thời điểm kết thúc năm tài chính hoặc khi phát sinh các sự kiện phải công bố theo quy định, Người được ủy quyền công bố thông tin thông báo tới các bộ phận có liên quan về nội dung thông tin sẽ công bố và thời hạn công bố của Công ty.

- Các bộ phận có liên quan phải lập báo cáo và gửi đến Nhân viên tổng hợp thông tin trong thời hạn không quá 2/3 thời gian mà Công ty phải công bố; việc xác định thời hạn này được tính theo thời gian cụ thể của từng trường hợp công bố định kỳ, bất thường hoặc theo yêu cầu.

- Báo cáo do các bộ phận có liên quan được lập thành văn bản có ký xác nhận nội dung của cá nhân thực hiện hoặc đại diện phụ trách bộ phận.

- Trường hợp Nhân viên tổng hợp thông tin vắng mặt vì bất cứ lý do gì, các bộ phận có liên quan trực tiếp nộp báo cáo cho Người được ủy quyền công bố thông tin.

2. Bước 2: Xử lý thông tin

Khi nhận được thông tin do các bộ phận liên quan cung cấp, Nhân viên tổng hợp thông tin của Công ty phải:

- Kiểm tra nội dung thông tin, đối chiếu với các quy định về công bố thông tin;

- Chỉnh sửa hoặc soạn thảo văn bản công bố thông tin theo mẫu quy định;

- Trình người được ủy quyền công bố thông tin thẩm định các nội dung.

3. Bước 3: Phê duyệt

Sau khi thẩm định văn bản công bố thông tin, Người được ủy quyền công bố thông tin trình Tổng giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc (trong trường hợp Tổng Giám đốc vắng mặt) phê duyệt: nội dung thông tin công bố, thời gian, phương tiện; ký tên và đóng dấu văn bản công bố trước khi thực hiện công bố.

4. Bước 4: Công bố thông tin

Người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện công bố thông tin theo quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành về công bố thông tin và Quy chế này.

5. Bước 5: Tiếp nhận các thông tin phản hồi:

Người được ủy quyền công bố thông tin có trách nhiệm kiểm tra, xác minh và sửa đổi, bổ sung (nếu có) các thông tin liên quan và đề xuất cho Tổng Giám đốc về việc phản hồi, phúc đáp lại các nội dung cần thiết.

6. Bước 6: Bảo quản và lưu trữ thông tin

- Các đối tượng công bố thông tin thực hiện bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định của pháp luật.

- Các bộ phận có liên quan khi cung cấp thông tin cho Nhân viên tổng hợp thông tin phải lập hồ sơ lưu tại đơn vị mình.

- Nhân viên tổng hợp thông tin sau khi tiếp nhận các báo cáo từ các bộ phận liên quan phải lập hồ sơ cho từng sự kiện kèm theo bản sao văn bản công bố thông tin đã công bố để lưu giữ tại Công ty để kiểm tra, đối chiếu trong trường hợp cần thiết.

Chương VI

QUY ĐỊNH PHÁT NGÔN VÀ CUNG CẤP THÔNG TIN CHO BÁO CHÍ

Điều 20. Người phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí.

1. Người phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của công ty.

a) Tổng Giám đốc công ty.

b) Tổng Giám đốc ủy quyền cho các Phó Tổng Giám đốc được phát ngôn và trả lời báo chí trong lĩnh vực hoạt động do Phó Tổng Giám đốc phụ trách.

c) Trong trường hợp cần thiết, Tổng Giám đốc ủy quyền cho người khác có trách nhiệm của công ty thực hiện phát ngôn hoặc phối hợp để phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí về những vấn đề cụ thể được Tổng Giám đốc giao.

Việc ủy quyền phát ngôn và trả lời báo chí của Tổng Giám đốc đối với các Phó Tổng Giám đốc hoặc đối tượng khác phải được thực hiện bằng văn bản.

2. Người được Tổng Giám đốc ủy quyền phát ngôn không được ủy quyền tiếp cho người khác.

3. Hoạt động của người phát ngôn, người được ủy quyền phát ngôn phải tuân theo các quy định của nhà nước, Điều lệ công ty các Quy chế có liên quan đến nội dung phát ngôn.

4. Người phát ngôn có nhiệm vụ phát ngôn và cung cấp các thông tin cho báo chí và tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan thông tin đại chúng trong việc cung cấp các thông tin chính xác, kịp thời về các sự kiện, hoạt động của công ty.

5. Chỉ những người có thẩm quyền phát ngôn được quy định tại khoản 1 điều này mới được nhân danh công ty để phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí. Thông tin do những người này cung cấp là thông tin chính thức về hoạt động của công ty.

6. Người lao động của công ty được cung cấp thông tin cho báo chí theo quy định của pháp luật nhưng không được nhân danh công ty để phát ngôn, cung cấp thông tin cho báo chí, không được tiết lộ bí mật kinh doanh, thông tin sai sự thật và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã cung cấp.

Điều 21. Quyền và trách nhiệm của Tổng Giám đốc trong việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí.

1. Trực tiếp phát ngôn hoặc uỷ quyền cho Phó Tổng Giám đốc hoặc uỷ quyền cho người khác có trách nhiệm của công ty thực hiện phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí.

2. Chịu trách nhiệm về việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí, kể cả trong trường hợp uỷ quyền cho người khác phát ngôn.

3. Chỉ đạo việc chuẩn bị các thông tin để cung cấp cho các cơ quan thông tin đại chúng.

Điều 22. Quyền và trách nhiệm của Người được uỷ quyền phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí.

1. Người được Tổng Giám đốc uỷ quyền được nhân danh, đại diện cho công ty thực hiện việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí.

2. Người phát ngôn có quyền yêu cầu các phòng nghiệp vụ hoặc các đơn vị trực thuộc công ty cung cấp thông tin, tập hợp thông tin để phát ngôn.

3. Đối với những vấn đề phức tạp, chưa rõ ràng, người được uỷ quyền phát ngôn có trách nhiệm báo cáo Tổng Giám đốc về nội dung phát ngôn, cung cấp thông tin cho báo chí trước khi công bố.

4. Người phát ngôn có quyền từ chối, không phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí trong các trường hợp sau đây:

a) Những vấn đề thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật, những vấn đề không thuộc quyền hạn phát ngôn, những vấn đề thuộc bí mật của công ty.

b) Thông tin liên quan đến các vụ việc đang được điều tra hoặc chưa được xử lý, trừ trường hợp thông tin giúp cho hoạt động điều tra và công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm được tiến hành thuận lợi, khách quan, đúng pháp luật.

c) Các vụ việc đang trong quá trình thanh tra, nghiên cứu giải quyết khiếu nại tố cáo, những vấn đề tranh chấp đang trong quá trình giải quyết, chưa có kết luận chính thức của cơ quan có thẩm quyền mà theo quy định không được cung cấp thông tin cho báo chí.

d) Những vấn đề người phát ngôn chưa nắm rõ hoặc chưa được chuẩn bị.

5. Người được uỷ quyền phát ngôn chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và pháp luật về nội dung phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Bộ phận đầu mối chuẩn bị công bố thông tin

Bộ phận đầu mối chuẩn bị công bố thông tin của Công ty bao gồm:

1. Người phụ trách quản trị - Thư ký công ty: Chịu trách nhiệm chuẩn bị các thông tin liên quan đến quản trị Công ty và các nội dung khác theo chức năng, nhiệm vụ của mình.

2. Kế toán trưởng: Chịu trách nhiệm chuẩn bị các thông tin liên quan đến báo cáo tài chính, cổ đông, cổ phiếu và các nội dung khác theo chức năng, nhiệm vụ của mình.

3. Trưởng phòng Kinh doanh: Chịu trách nhiệm chuẩn bị các thông tin liên quan đến báo cáo thường niên.

4. Phòng Kế toán tài chính và Thư ký công ty là đầu mối tiếp nhận thông tin, thắc mắc và giải đáp thắc mắc của nhà đầu tư và cơ quan chức năng khác liên quan đến các thông tin do Công ty công bố.

Điều 24. Trách nhiệm, quan hệ giữa các phòng nghiệp vụ, đơn vị trực thuộc trong việc cung cấp thông tin

1. Người được ủy quyền công bố thông tin trong phạm vi chức năng của mình, định kỳ đôn đốc các phòng, đơn vị cung cấp các thông tin theo nội dung Quy chế này.

2. Trưởng các phòng, đơn vị chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của các thông tin cung cấp cho bộ phận đầu mối.

Đối với những thông tin bất thường, thông tin cung cấp theo yêu cầu phải công bố theo quy định, trưởng các phòng, đơn vị (nơi phát sinh thông tin cần cung cấp) có trách nhiệm cung cấp thông tin trong vòng 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.

3. Người được ủy quyền công bố thông tin phải giám sát việc công bố thông tin và báo cáo Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc kết quả thực hiện.

Điều 25. Xử lý vi phạm

Đơn vị, cá nhân thuộc Công ty có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật gây thiệt hại cho Công ty liên quan đến việc thực hiện, quản lý hoạt động công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/ 8/ 2022 và thay thế cho Quyết định số 143/QĐ-CTCP-HĐQT, ngày 18/10/2018 của Hội đồng quản trị về việc ban hành Quy chế công bố thông tin.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Người phụ trách quản trị-Thư ký công ty, Người có liên quan, các phòng nghiệp vụ và cá nhân có liên quan đến việc công bố thông tin thực hiện đúng trách nhiệm, nghĩa vụ của mình.

3. Các phòng nghiệp vụ, các đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm tổ chức phổ biến cho người lao động trong đơn vị biết để thực hiện tốt công việc được giao.

4. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật liên quan đến nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty chưa được đề cập trong Quy chế hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty.

5. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có những điều khoản chưa được quy định hoặc không còn hiệu lực thì Công ty sẽ thực hiện công bố thông tin trên cơ sở quy định của Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan của pháp luật.

6. Mọi sửa đổi, bổ sung quy chế này do Hội đồng quản trị Công ty xem xét, quyết định.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Minh Trung

